TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2025
V/v tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tấn Thanh

2. Bà Đinh Tú Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 515/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2024 về việc tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/02/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số A, ấp C, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số D, ấp E, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(chị H có mặt, anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H1 tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố M vào ngày 14/12/2009. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, đến

khoảng 6 tháng nay thì phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H1.

Về con chung: Có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim P, sinh ngày 31/3/2013, chị yêu cầu được quyền chăm sóc và trực tiếp nuôi dưỡng cháu P đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

Anh và chị H quen biết tìm hiểu và tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 14/12/2009. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim P, sinh ngày 31/3/2013. Anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu P đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho có ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị H và anh H1. Về con chung: Giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H1. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp "Ly hôn".

Anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa đến lần thứ hai mà vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H1 tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn H1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 91, ngày 14/12/2009 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Tại phiên tòa, chị H trình bày trong quá trình sống chung thì vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình tình không phù hợp. Hai người đã sống ly thân từ hơn 6 tháng nay nên chị H yêu cầu ly hôn với anh H1. Xét thấy, tại

phiên hòa giải ngày 18/11/2024 của Tòa án, anh H1 thể hiện ý kiến cũng đồng ý lý hôn với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của hai bên đương sự.

[2.3] Về con chung: Chị H và anh H1 có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim P, sinh ngày 31/3/2013. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh H1 đều yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu P hiện đang được chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ vào nguyện vọng được sống cùng mẹ của cháu P và quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng cháu P của chị H. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H1 khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn H1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim P, sinh ngày 31/3/2013. Giao cháu Nguyễn Ngọc Kim P cho chị Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Anh Nguyễn Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H1 được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

2. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0006708 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên xem như nộp xong.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Nhật

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND TP. M
- Chi cục THADS TP. M
- UBND xã Đ
- Các đương sự
- Lưu HSAV